

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 463; khoản 1, 5 Điều 466, Điều 357 và khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 và điểm b tiêu lục 1.4 mục 1 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí kèm theo;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2021, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2020/TLST- KDTM ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng B.

Địa chỉ: Số 108, Trần Hưng Đ, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người được ủy quyền: Ông Phạm Việt D - Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng B – Chi nhánh Bắc Thanh Hóa.

Địa chỉ: Số 169, Trần P, phường Ba Đ, thị xã B, Thanh Hóa.

Bị đơn: Công ty C

Địa chỉ: Thôn Ngọc Trà 1, xã Quang T, huyện Quảng X, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Phi K – Chức vụ: Giám đốc Công ty.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Đại diện Ngân hàng B và đại diện Công ty C thống nhất: Tính đến ngày 02/4/2021 Công ty C còn nợ Ngân hàng B là 15.386.037.996 đồng (*Mười lăm tỷ ba trăm tám mươi sáu triệu không trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi sáu đồng*). Trong đó gồm: Nợ gốc là 14.567.365.568 đồng (*Mười bốn tỷ năm trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng*);

Lãi trong hạn là 797.385.177đồng (*Bảy trăm chín mươi bảy triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn một trăm bảy mươi bảy đồng*); lãi quá hạn là 21.287.251đồng (*Hai mươi một triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi một đồng*). “Cụ thể: Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số: 400365802/2017 – HĐCVDADT/NHCT424 – CT HUONG SON ngày 19/9/2017 còn nợ tổng số tiền 13.650.811.391đồng (*Mười ba tỷ sáu trăm năm mươi triệu tám trăm mười một nghìn ba trăm chín mươi một đồng*), trong đó tiền gốc là 12.917.365.568đồng (*Mười hai tỷ chín trăm mười bảy triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng*), lãi trong hạn 717.260.519 đồng (*Bảy trăm mười bảy triệu hai trăm sáu mươi nghìn năm trăm mười chín đồng*), lãi quá hạn là 16.185.304đồng (*Mười sáu triệu một trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm lẻ bốn đồng*); Hợp đồng cho vay hạn mức số 400365802/2019 – HĐCVHM/NHCT424 – CT HUONG SON ngày 17/9/2019 còn nợ tổng số tiền 1.735.226.605đồng (*Một tỷ bảy trăm ba mươi lăm triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm lẻ năm đồng*) trong đó tiền gốc là 1.650.000.000đồng (*Một tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng*), lãi trong hạn 80.124.658 đồng (*Tám mươi triệu một trăm hai mươi tư nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng*), lãi qua hạn là 5.101.947 đồng (*Năm triệu một trăm lẻ một nghìn chín trăm bốn mươi bảy đồng*)”.

Thời gian và phương thức trả nợ hai bên thống nhất như sau:

+ Đợt 1: Ngày 10/5/2021 Công ty C thanh toán cho Ngân hàng B số tiền gốc 500.000.000đồng (*Năm trăm triệu đồng*).

+ Đợt 2: Ngày 10/6/2021 Công ty B thanh toán cho Ngân hàng B số tiền gốc 500.000.000đồng (*Năm trăm triệu đồng*).

+ Đợt 3: Ngày 10/7/2021 Công ty C thanh toán cho Ngân hàng B số tiền gốc 500.000.000đồng (*Năm trăm triệu đồng*).

+ Đợt 4: Ngày 10/8/2021 Công ty C thanh toán cho Ngân hàng B toàn bộ số tiền còn nợ lại là 13.886.037.996đồng (*Mười ba tỷ tám trăm tám mươi sáu triệu không trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi sáu đồng*). Trong đó gồm: Nợ gốc là 13.067.365.568đồng (*Mười ba tỷ không trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng*), lãi trong hạn là 797.385.177đồng (*Bảy trăm chín mươi bảy triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn một trăm bảy mươi bảy đồng*), lãi quá hạn là 21.287.251đồng (*Hai mươi một triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi một đồng*) và lãi suất phát sinh đối với khoản tiền dư nợ gốc kể từ ngày 03/4/2021 cho đến khi tất toán xong khoản nợ theo mức lãi suất và các điều khoản quy định mà hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số: 400365802/2017 – HĐCVDADT/NHCT424 – CT HUONG SON ngày 19/9/2017 và Hợp đồng cho vay hạn mức số 400365802/2019 – HĐCVHM/NHCT424 – CT HUONG SON ngày 17/9/2019 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay 400365802/2020 – HĐCV – SDDBS01/NHCT424 – T9.2020 ngày 15/9/2020. Trường hợp trong các Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số: 400365802/2017 – HĐCVDADT/NHCT424 – CT HUONG SON ngày 19/9/2017 và Hợp đồng cho vay hạn mức số 400365802/2019 – HĐCVHM/NHCT424 – CT HUONG SON ngày 17/9/2019 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay

400365802/2020 – HĐCV – SDDBS01/NHCT424 – T9.2020 ngày 15/9/2020, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng B thì lãi suất mà Công ty C phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng B theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng B.

Nếu Công ty C vi phạm bất kỳ đợt trả nợ nào như đã cam kết thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại đối với tài sản thế chấp để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ của Công ty C đối với Ngân hàng B.

Tài sản phát mại gồm:

- Các công trình gắn liền với Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại; Thửa đất số 12 tờ bản đồ số 106 đo vẽ năm 2011; địa chỉ: Khu phố 6, phường Bắc S, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:CG 188490, sổ vào sổ cấp GCN: CT05353 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 16/01/2017 đứng tên Doanh nghiệp tư nhân V thuộc thửa đất số 12 tờ bản đồ số 16 Phường Bắc S , thị xã B, tỉnh Thanh Hóa gồm: 02 Nhà ăn; 01 nhà bếp; 01 nhà nghỉ ca công nhân và hạ tầng kỹ thuật, các công trình phụ trợ gồm: 01 nhà bể chứa hải sản tươi sống; 02 nhà kho (Trong đó 01 nhà kho phát sinh); 01 nhà bán bún xây mới; 02 bán bình; 02 nhà vệ sinh; 01 nhà tắm; 01 bể chứa nước; 01 trạm biến áp 100 KVA, Cổng chính, tường rào; sân và đường bê tông (có sơ đồ kèm theo), Theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 400365802.2017.THANG8/HĐTC ngày 11/9/2017 và biên bản xem xét thẩm định ngày 25/3/2021

- Các công trình gắn liền với Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại; Thửa đất số 606 tờ bản đồ số 6; địa chỉ: Thôn Ngọc Trà 1, xã Quảng T, huyện Quảng X, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:CD 012166, sổ vào sổ cấp GCN: CT04619 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 0728/12/2015 đứng tên Doanh nghiệp tư nhân V thuộc thửa đất số 606 bản đồ địa chính số 06 Xã Quảng T , huyện Quảng X, tỉnh Thanh Hóa gồm: 01 nhà ăn 02 tầng; 01 nhà nghỉ ca; 01 nhà ăn; 01 nhà nghỉ ca 01 tầng; 08 nhà chòi; 02 nhà vệ sinh; 01 nhà xe nhân viên; 01 nhà bảo vệ và các công trình phụ trợ gồm: Sân nền, Sân, đường nội bộ, bồn hoa cây cảnh, cổng tường rào, thoát nước ngoài nhà, điện chiếu sáng ngoài nhà (Có sơ đồ kèm theo), Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 400365802.NHA XUONG2/HĐTC ngày 15/09/2017 và biên bản xem xét thẩm định ngày 26/3/2021.

Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm để trả nợ cho Ngân hàng B mà còn thừa thì trả lại cho Công ty C; trường hợp xử lý tài sản bảo đảm mà không đủ để trả nợ cho Ngân hàng, thì Công ty C tự số: 400365802/2017 – HĐCVDADT/NHCT424 – CT HUONG SON ngày 19/9/2017 và Hợp đồng cho vay hạn mức số 400365802/2019 – HĐCVHM/NHCT424 – CT HUONG SON ngày 17/9/2019 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay 400365802/2020 – HĐCV – SDDBS01/NHCT424 – T9.2020 ngày 15/9/2020 cho đến khi trả xong toàn bộ số nợ.

Về án phí: Hai bên thỏa thuận Công ty C chịu 61.693.000đồng (*Sáu mươi một triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng B (Đại diện là Ngân hàng B – Chi nhánh Bắc Thanh Hóa) số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp 61.284.000đồng (*Sáu mươi một triệu hai trăm tám mươi tư nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2019/0007160 ngày 07/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Ngọc L